

TỔNG CÔNG CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOAN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
TP. HỒ CHÍ MINH

DẾN

Số: 26153

Giờ: Ngày 30 tháng 12 năm 12

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2012

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 năm 2012 của Công Ty Cổ PhẦn Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận so với cùng kỳ năm 2011 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	163,662,554,929	142,877,721,147	20,784,833,782	114.55%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	163,662,554,929	142,877,721,147	20,784,833,782	114.55%

b. Thuyết minh:

- Sản lượng nước cung cấp quý 2 năm 2012 tăng so với quý 2 năm 2011 là 2.310.963 m³, tỷ lệ 106.67%
- Giá nước tăng 10% vào tháng 02/2011 theo quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12/2009 của UBNDTP
- Giá bán bình quân quý 2 năm 2012 tăng so với quý 2 năm 2011 là 823 đồng/m³, tỷ lệ tăng 110.87%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán	153,871,967,016	127,079,525,307	26,792,441,709	121.08%
Cộng	153,871,967,016	127,079,525,307	26,792,441,709	121.08%

Trong đó chi tiết giá vốn :

Chỉ tiêu	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	117,216,991,359	98,940,353,701	18,276,637,658	118.47%
Chi nhán công trực tiếp	8,483,419,733	8,142,211,810	341,207,923	104.19%
Chi phí sản xuất chung	28,171,555,924	19,996,959,796	8,174,596,128	140.88%
Tổng chi phí sản xuất	153,871,967,016	127,079,525,307	26,792,441,709	121.08%
Tổng giá thành sản xuất	153,871,967,016	127,079,525,307	26,792,441,709	121.08%
Giá vốn đã cung cấp	153,871,967,016	127,079,525,307	26,792,441,709	121.08%

b. Thuyết minh

Giá vốn cung cấp trong quý 2 năm 2012 so với quý 2 năm 2011 tăng 26.792.441.709 đồng, tỷ lệ 121.08% do :

- Sản lượng nước cung cấp quý 2 năm 2012 tăng so với quý 2 năm 2011 là 2.310.963 m³, tỷ lệ 106.67%
- Giá vốn bình quân theo hợp đồng mua sỉ nước sạch quý 2 năm 2012 tăng so với quý 2 năm 2011 do giá mua sỉ nước sạch tạm tính tăng 722.05 đồng/m³, tỷ lệ tăng 113.17%
- Chi phí sản xuất chung quý 2/2012 tăng so với quý 2 năm 2011 là 8.174.596.128 đồng, tỷ lệ tăng 140.88% chủ yếu là tăng chi phí phục vụ cho công tác gán mới, dời, bồi thường DHN, CTOM, thay DHN, chi phí chống thất thoát nước.

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chi tiêu	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	2,416,635,771	1,271,018,785	1,145,616,986	190.13%
Chi phí công cụ dụng cụ	4,100,000	2,850,000	1,250,000	143.86%
Chi phí khấu hao	50,450,624	37,515,044	12,935,580	134.48%
Dự Phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	404,699,001	129,518,750	275,180,251	312.46%
Cộng	2,875,885,396	1,440,902,579	1,434,982,817	199.59%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 2 năm 2012 tăng so với quý 2 năm 2011 là 1.434.982.817 đồng, tỷ lệ tăng 199.59% do:

Trong năm 2012 có sự thay đổi về cấu trúc nhân sự điều này làm biến động chi phí nhân công, cụ thể là quý 2 năm 2012 chi phí nhân công tăng 1.145.616.986 đồng, tỷ lệ tăng là 190.13%

IV. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chi tiêu	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Tiền gửi có kỳ hạn	1,984,036,995	3,461,809,999	(1,477,773,004)	57.31%
Tiền gửi không kỳ hạn	78,683,874	105,927,348	(27,243,474)	74.28%
Cộng	2,062,720,869	3,567,737,347	(1,477,773,004)	57.82%

b. Thuyết minh:

Doanh thu hoạt động tài chính của quý 2 năm 2012 giảm so với quý 2 năm 2011 là 1.477.773.004 đồng, giảm 42.18% do:

1. Lượng tiền gửi ngân hàng giảm
2. Lãi suất tiền gửi giảm so với năm 2011

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chi tiêu	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	4,357,729,744	12,665,407,152	(8,307,677,408)	34.41%
Thuế TNDN	973,837,067	1,802,563,995	(828,726,928)	54.03%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3,383,892,677	10,862,843,157	(7,478,950,480)	31.15%

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chi tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thi:

Tốc độ tăng tổng doanh thu thấp hơn tốc độ tăng tổng chi phí làm cho tổng lợi nhuận trước thuế giảm 8.307.677.408 đồng, tỷ lệ giảm 65.59%

Quận 5, ngày 27 tháng 07 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Giám đốc

Kế toán trưởng B

Lại Thị Thu



Lê Trọng Hiếu